TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **219**/2026/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 18 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 36/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh ngày 10/11/1985; số căn cước công dân: 046185014327, cấp ngày 27/02/2025. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thành phố H.

Bị đơn: Anh Trần Đình Công Đ, sinh ngày 23/9/1982, số căn cước công dân: 046082002152, cấp ngày 22/8/2022; Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T và anh Trần Đình Công Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- 2.1. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Đình Công Đ có 02 người con chung tên là Trần Ngọc Bảo T1, sinh ngày 06/6/2011 và Trần Đình Phước H, sinh ngày 16/5/2015. Chị Trần Thị T và anh Trần Đình Công Đ thỏa thuận: Giao 02 người con chung là Trần Ngọc Bảo T1, sinh ngày 06/6/2011 và Trần Đình Phước H, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và anh Trần Đình Công Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trần Ngọc Bảo T1 mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và nuôi cháu Trần Đình Phước H mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một

triệu đồng) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Đình Công Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Đình Công Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T và anh Trần Đình Công Đ thỏa thuận, chị Trần Thị T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000382 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Trần Thị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- Thi hành án dân sự thành phố Huế;
- UBND xã Vinh Lộc, thành phố Huế ;
(Đăng ký kết hôn số 25, quyển số 01/2010, ngày 26/3/2010)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Lê Thị Quý Vân